TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 405/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31 - 8 - 2023
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình về " *Ly hôn và nuôi con khi ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG.

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Chiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Sức

2. Ông Võ Văn Tám

***- Thư ký phiên toà*:** ông Trần Thiện Nhân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên sơ cấp

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023, về tranh chấp hôn nhân và gia đình *"Xin ly hôn và nuôi con khi ly hôn*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 240/2023/QĐXXST- HN ngày 28 tháng 7 năm 2023 giữa:

1. *Nguyên đơn:* chị Lê Thị S, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: số 254, tổ B, khóm T, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0386.042.673;

2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: hẻm A, tổ A, ấp T, xã T, huyện P, tỉnh An Giang.

(chị S xin mặt, anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Căn cứ theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải chị Lê Thị S trình bày như sau: Chị và anh Nguyễn Văn H sau thời gian tìm hiểu được hai bên gia đình đồng ý, có tổ chức lễ cưới năm 2001 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị

trấn P, huyện P, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 03 tháng 4 năm 2001.

Sau khi cưới thì vợ chồng sống chung với gia đình anh H, chị thì nấu rượu buôn bán còn anh H thì chăn nuôi heo tại nhà, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, thời gian chung sống vợ chồng cũng hay xảy ra mâu thuẫn về chuyện tiền bạc do anh H tiêu xài hoang phí vào cờ bạc đá gà, mỗi khi anh H uống rượu có hành vi bạo lực, chửi mắng xúc phạm chị. Đến năm 2015 thì chị phát hiện anh H có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài, từ đó thường xuyên về nhà gây chuyện để tìm lý do đuổi chị đi khỏi nhà, đến năm 2016 thì anh H uống rượu về đuổi chị ra khỏi nhà, chị phải về nhà cha mẹ ruột sống và từ đó vợ chồng ly thân cho đến nay. Thời gian ly thân anh H không có thiện chí hàn gắn mà còn quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ khác, hiện tại anh H sống chung với một người phụ nữ khác tại nhà anh H vì vậy từ khi ly thân đến nay anh H không hàn gắn tình cảm vợ chồng, gia đình chị cũng có khyên ngăn nhưng cũng không được. Nay cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, chị cũng không còn tình cảm với anh H, nên yêi cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về nuôi con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 19/5/2002 đã trưởng thành và Nguyễn Tuấn H1, sinh ngày 30/7/2010, hiện do chị đang nuôi dưỡng hai con. Nay chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

* Anh Nguyễn Văn H vắng mặt từ khi Toà án thụ lý vụ án nên không có ý kiến trình bày.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật, tuy nhiên anh H vắng mặt suốt quá trình tố tụng là chấp hành pháp luật chưa nghiêm, anh cũng được tống đạt triệu tập để nghe xét xử đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt, chị S có đơn xin vắng mặt và có ý kiến trình bày rõ ràng yêu cầu của mình, do đó đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xét xử vắng mặt anh H và chị S theo Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Hôn nhân của anh, chị do hai người tự tìm hiểu được cha mẹ chấp thuận, có tổ chức lễ cưới năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân T, huyện P, tỉnh An Giang, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn do anh H sống không chung thuỷ, lại thiếu trách nhiệm trong việc chăm sóc gia đình, khi uống rượu về hay kiếm chuyện bạo hành chị S , đến năm 2016 mâu thuẫn trầm trọng, anh H đuổi chị S đi, nên chị S về cha mẹ ruột cùng 2 con sinh sống, vợ chồng chính thức ly thân, sau khi ly

thân hai bên không liên lạc tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn, anh H sống với người phụ nữ khác, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị S yêu cầu ly hôn với anh H là có căn cứ, phù hợp với lời trình bày của bà Đặng Thị E (mẹ ruột chị S), đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

- Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 19/5/2002 đã trưởng thành, nhưng sống củng chị S và Nguyễn Tuấn H1, sinh ngày 30/7/2010, hiện do chị S đang nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị S yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con. Xét thấy việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con sau khi ly hôn, vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên đối với con chưa thành niên, cháu M trưởng thành tự lo cuộc sống được, chị S nuôi dưỡng chăm sóc cháu H1 cũng đảm bảo, nguyện vọng cháu được sống với chị S, do đó đề nghị HĐXX tiếp tục giao cháu H1 cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng cho con cũng phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có tranh chấp nên không giải quyết

Đồng thời buộc các đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về người tham gia tố tụng: nguyên đơn chị Lê Thị S yêu cầu được vắng mặt khi xét xử, chị có ý kiến trình bày rõ ràng yêu cầu của mình; bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được tống đạt các văn bản tố tụng cũng như triệu tập lần thứ 2 để nghe xét xử, nhưng anh vẫn vắng mặt, việc vắng mặt của anh, chị không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, nên HĐXX xét xử vắng mặt anh, chị theo Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự để đảm bảo quyền lợi cho các bên.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: hiện nay anh H cư trú tại: ấp T, xã T, huyện P, tỉnh An Giang, nên chị S khởi kiện xin ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về quan hệ tranh chấp: chị S xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con nên quan hệ tranh chấp là " Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, hôn nhân của anh, chị do hai người tự tìm hiểu, được cha mẹ đồng ý, tổ chức lễ cưới năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân T, huyện P, tỉnh An Giang, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn do anh H sống không chung thuỷ, thường uống rượu gây chuyện rồi hành hung chị S, đến năm 2016 mâu thuẫn trầm trọng, anh H kiếm chuyện

rồi đuổi chị S đi, nên chị S cùng 2 con về cha mẹ ruột sinh sống vợ chồng chính thức ly thân, sau khi ly thân hai bên không liên lạc tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn, anh H chung sống với người phụ nữ khác, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị S yêu cầu ly hôn với anh H là có căn cứ, phù hợp với lời trình bày của bà Đặng Thị E (mẹ ruột chị S), để anh chị có cuộc sống riêng sau này, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Về con chung: có 02 con tên Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 19/5/2002 đã trưởng thành, nhưng sống củng chị S và Nguyễn Tuấn H1, sinh ngày 30/7/2010, hiện do chị S đang nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị S yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con. Xét thấy việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con sau khi ly hôn, vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên đối với con chưa thành niên, cháu M trưởng thành tự lo cuộc sống được, chị S nuôi dưỡng chăm sóc cháu H1 cũng đảm bảo, nguyện vọng cháu được sống với chị S, nên HĐXX giao cháu H1 cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng đến thành niên hoặc tự lập được, anh H không phải cấp dưỡng cho con.

- Về quan hệ tài sản chung: Các bên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Ghi nhận chị S khai không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh H, chị S phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị S là người xin ly hôn, nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 56 và Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ Luật Tố tụng Dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Điều 26, khoản 5 Điều 27, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị S đối với anh Nguyễn Văn H.

- Về hôn nhân: chị Lê Thị S được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Tuấn H1, sinh ngày 30/7/2010, cho chị Lê Thị S nuôi dưỡng đến thành niên hoặc tự lập được, anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: không có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Lê Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006210 ngày 01/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, anh Nguyễn Văn H không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS H. Phú Tân;
- UBND xã Tân Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Chiến